TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/DS-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trung Chánh;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Sơn Nhựt Nhân- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2023/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2023/QĐST-DS ngày ngày 03 tháng 8 năm 2023; giữa:

- Nguyên đơn: Bà Kim B, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Chị **Thạch M**, sinh năm 1983 theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn*:** Bà Kim C, sinh năm 1976 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Bà Sơn S, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04-10-2022 (bút lục 02) trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Kim B trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ngày 11/12/2019 bà hốt dây hụi lúa chơi của đầu thảo là bà Sơn S ở lần khui thứ 8 được 95.250.000 đồng thì có cho bà Kim C mượn 90.000.000 đồng. Khi mượn thì bà C hứa mỗi vụ lúa trả cho bà 10.000.000 đồng, bà không tính lãi. Sau khi vay thì bà C có trả cho bà được 03 vụ số tiền trả là 25.000.000 đồng đến vụ tiếp theo bà C không trả nữa. Bà đến nhà bà C đòi nhiều lần nhưng bà C không trả. Năm 2021 bà có làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp Tr hòa giải, bà C đến thừa nhận có mượn tiền hụi của bà và còn thiếu lại 65.000.000 đồng nhưng hụi bà S úp nên bà C không đồng ý tiếp tục trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Kim C phải trả cho bà số tiền 65.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Kim C đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 03-4-2023 và 29-5-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-3-2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn S trình bày:

Bà có làm đầu thảo dây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 15/6/2017 dl. Dây hụi này bà Kim B (tên trong dây hụi là U) kêu hốt lần thứ 8, kêu số tiền 4.160.000 đồng nên hốt được 95.250.000 đồng. Nhưng lúc khui hụi bà B nói cho bà Kim C mượn tiền hụi này. Bà B yêu cầu bà khi giao hụi thì giao cho bà C khỏi giao cho bà B. Do đó bà đã đưa tiền hụi của bà B cho bà C như thỏa thuận nhưng do sự việc đã lâu nên sổ sách giao hụi bà không còn giữ. Bà C cũng có chơi hụi do bà làm đầu thảo nhưng dây hụi của bà C có 19 phần, dây hụi của bà B chỉ có 13 phần nên hoàn toàn không thể đổi hai dây hụi với nhau được. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 463 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim B. Buộc bà Kim C trả cho bà Kim B số tiền vay vốn gốc là 65.000.000 đồng. Buộc bà Kim C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Kim B khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền". Đồng thời bị đơn bà Kim C cư trú tại ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà B và bà C.

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Kim B yêu cầu bà Kim C trả tiền vay vốn gốc là 65.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Xét hợp đồng vay giữa bà B với bà C là có thật. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của chủ hụi cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn S thể hiện bà Kim B có tham gia 01 phần trong dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 15-6-2017 khui theo vụ lúa và bà B đã kêu hốt ở lần 8 được số tiền 90.000.000 đồng. Do bà B và bà C là thân tộc nên bà B đồng ý cho bà C vay mỗi vụ lúa trả 10.000.000 đồng. Bà S là người trực tiếp cầm tiền hụi của bà B đưa cho bà C. Đồng thời qua xác minh địa phương cũng thể hiện bà B có từng yêu cầu địa phương giải quyết tranh

chấp hợp đồng vay giữa bà B và bà C vào cuối năm 2021. Tại buổi hòa giải tại địa phương bà C có thừa nhận việc vay tiền và quá trình trả như bà B trình bày. Do bà S úp hụi bà C không hốt được hụi nên không có tiền trả cho bà C.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 11/QĐ-YCCCTLCC ngày 11-5-2023 yêu cầu bà Kim C cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà đối với đơn khởi kiện của bà Kim B và các chứng cứ để Tòa án xem xét (bút lục 39). Quyết định trên được tống đạt hợp lệ cho bà C nhưng đến hôm nay bà C vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến đơn khởi kiện của bà Kim B. Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà Kim C có vay tiền và còn nợ bà Kim B số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim B; Buộc bà Kim C trả cho bà Kim B số tiền vay vốn gốc còn nợ là 65.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Kim C phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Kim B không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim B.

2. Buộc bà Kim C trả cho bà Kim B số tiền vay vốn gốc là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Bà Kim B không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Kim C phải chịu 3.250.000 đồng án phí dân sự. Kim B không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền